

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN LONG HỒ  
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 26 /2021/HNGĐ-ST  
Ngày 01/02//2021  
V/v: tranh chấp ly hôn và nuôi con.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG HỒ, TỈNH VĨNH LONG**

***-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa:* bà Đặng Thị Ánh Bình

*Các hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Quách Tử Diệc

2. Ông Lê Việt Hùng

***-Thư ký phiên tòa:*** bà Trần Mỹ Huyền, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

***-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Hồ tham gia phiên tòa:*** không tham gia.

Ngày 01 tháng 02 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Hồ xét xử công khai sơ thẩm vụ án thụ lý số: 508/2020/TLST- HNGĐ ngày 12 tháng 11 năm 2020, về tranh chấp ly hôn và nuôi con, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số /2021/QĐXXST-HNGĐ, giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* chị Trần Thị Thùy T, sinh năm 1994. Địa chỉ: ấp Phú H, xã Hòa Ph huyện Long H, tỉnh Vĩnh L ( có mặt).

*2. Bị đơn:* anh Đặng Trường S, sinh năm 1982. Địa chỉ: ấp Phú H, xã Hòa Ph huyện Long H, tỉnh Vĩnh L ( có mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 12 tháng 11 năm 2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trần Thị Thùy Trang trình bày:*

Chị và anh Đặng Trường S quen biết tìm hiểu nhau thời gian khoảng một năm và tự nguyện tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hòa Phú, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long. Sau khi cưới vợ chồng về sống chung với gia đình chồng được khoảng một năm thì về nhà cha mẹ ruột chị ở, hàng ngày chị mở tiệm làm tóc, anh Sơn làm công nhân khu công nghiệp Hòa Phú. Sau khi cưới cho đến nay chị nhận thấy cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc, tính tình không hợp, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cự cãi. Tiền bạc anh S quản lý, khi con ốm nằm viện anh Sơn không đưa tiền để lo cho con, chị nói hoài thì mới đưa được 1.000.000đ. Năm 2019 vợ chồng đã ly thân khoảng một năm, sau đó hàn gắn trở lại và sinh con thứ hai vào năm 2019. Khoảng tháng 10/2019 vợ chồng xảy ra cự cãi, anh Sơn về nhà cha mẹ ruột ở đến nay. Chị nhận thấy không

còn tình cảm với anh S, vì anh S thường chửi xúc phạm vợ con, không tôn trọng cha mẹ vợ, nhiều lúc làm mất sỹ diện của chị nơi đông người. Chị khuyên nhiều lần nhưng anh S không nghe, nhận thấy không thể tiếp tục chung sống với anh S nên yêu cầu xin được ly hôn.

Về nuôi con chung: có hai người con Đặng Nhựt Tr, sinh ngày 07/12/2012 và Đặng Ngọc Như Ý, sinh ngày 19/4/2019 chị đang nuôi dưỡng, khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi hai con và yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con, mỗi tháng mỗi cháu 1.000.000đ (một triệu đồng), cấp dưỡng cho đến khi hai con đủ 18 tuổi.

Tài sản chung và nợ chung không yêu cầu giải quyết.

*Bị đơn anh Đặng Trường S trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân đúng như chị T trình bày. Sau khi cưới vợ chồng sống chung với gia đình anh, đến khi sinh con đầu lòng thì vợ chồng về nhà cha mẹ ruột chị Tr ở, khoảng năm 2014 mẹ vợ đối xử tệ bạc nên anh về nhà cha mẹ ruột ở một thời gian, sau đó cha mẹ hai bên gặp nhau hòa giải cho hai vợ chồng trở lại chung sống. Hàng ngày anh đi làm về vẫn lo cho vợ con, không quản lý tiền bạc như chị Trang trình bày. Cách nay khoảng hai tháng mẹ vợ xua đuổi anh, không cho anh chung sống với chị Tr nên anh phải về nhà cha mẹ ruột ở. Nguyên nhân anh không tôn trọng mẹ vợ là vì bà không cho anh vào nhà thăm con, ngăn cản chuyện tình cảm vợ chồng, không cho anh gần gũi vợ con. Nay anh không đồng ý ly hôn vì còn thương vợ con muốn được đoàn tụ.

Tòa án mời hòa giải lần thứ hai vào ngày 16/12/2020 anh Sơn bỏ về không tham gia hòa giải nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử.

*Tại phiên Tòa :* chị Trần Thị Thùy Tr vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn và nuôi hai con, yêu cầu anh S cấp dưỡng mỗi người con 1.000.000đ/tháng, cấp dưỡng cho đến khi hai con đủ 18 tuổi.

Anh Đặng Trường S không đồng ý ly hôn vì còn thương vợ con. Về con chung nếu chị Tr không nuôi thì giao anh nuôi, anh không cấp dưỡng nuôi con mà để dành tiền khi con lớn sẽ cho, chứ không đồng ý đưa cho chị Tr dù chỉ một đồng.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự được thẩm tra tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] về hôn nhân: xét yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị Thùy Tr, xét thấy: chị Trang và anh S xác lập quan hệ hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Hòa phú, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 18/11/2011 hôn nhân của anh, chị được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do vấn đề tiền bạc và cách cư xử của vợ chồng trong cuộc sống hàng ngày nên năm 2014 vợ chồng đã chia tay nhau thời gian khoảng một năm. Sau đó cha mẹ hai bên gặp nhau bàn bạc hòa giải mâu thuẫn vợ chồng trở về chung sống và sinh thêm cháu Đặng Ngọc Như Ý vào năm 2019. Sau khi trở về chung sống vợ chồng cũng không có được hạnh phúc, thường xuyên xảy ra cự cãi trong vấn đề tiền bạc và cách cư xử hàng ngày. Khoảng tháng 10/2020 anh S bỏ về nhà cha mẹ ruột ở cho đến nay.

Trong quá trình giải quyết vụ án, anh S muốn đoàn tụ, nhưng không gặp chị Tr bàn bạc để đưa ra hướng giải quyết mà bỏ mặc cho chị Tr nuôi con một mình, không quan tâm đến vợ con, làm cho tình cảm vợ chồng ngày càng xa cách, mỗi người sống mỗi nơi, không còn quan tâm đến nhau. Tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định về tình nghĩa vợ chồng: vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ thực hiện các công việc trong gia đình. Vợ chồng có nghĩa vụ chung sống với nhau. Tại Tòa chị Tr trình bày chung sống với anh S không có hạnh phúc nên anh S đã về nhà cha mẹ ruột ở, chị không đồng ý trở lại chung sống với anh S, cương quyết xin ly hôn, nếu Tòa án cho đoàn tụ chị cũng không bao giờ về sống với anh S vì giữa chị và anh S đã xảy ra mâu thuẫn chia tay một lần rồi. Xét thấy mâu thuẫn giữa chị Tr và anh S là trầm trọng, không có khả năng đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Tr là phù hợp theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2] Về nuôi con chung: có hai người con Đặng Nhựt Tr, sinh ngày 07/12/2012 và Đặng Ngọc Như Ý, sinh ngày 19/4/2019 chị Tr đang nuôi dưỡng chị Trang yêu cầu nuôi hai con, xét thấy: Tòa án đã hỏi ý kiến cháu Đặng Nhựt Tr, sinh ngày 07/12/2012 thì nguyện vọng của cháu sống với chị Tr. Đối với cháu Đặng Ngọc Như Ý tính đến nay chưa đủ 02 tuổi, chị Tr trình bày cháu Ý thường xuyên bị ốm đau phải đi bệnh viện điều trị, rất cần sự chăm sóc nuôi dưỡng của người mẹ. Vì vậy giao hai con chung cho chị Tr nuôi dưỡng là phù hợp quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con: Tại phiên tòa anh S trình bày không đồng ý cấp dưỡng nuôi con mà để dành tiền khi con lớn lên sẽ cho con, không đưa cho chị Trang dù chỉ một đồng, yêu cầu này của anh S không có căn cứ chấp nhận. Vì từ khi vợ chồng ly thân đến nay chị Tr là người trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng hai con chung, để đảm bảo cuộc sống của hai cháu được ăn học, phát triển bình thường về thể chất và tinh thần như bao trẻ em khác và hiện tại anh Sơn đang làm công nhân có thu nhập ổn định. Vì vậy buộc anh S phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng mỗi cháu 1.000.000đ, cấp dưỡng cho đến khi hai con đủ 18 tuổi là phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 82 và Điều 110 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Anh Đặng Trường S có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Về tài sản chung và nợ chung: chị Tr và anh S không yêu cầu giải quyết.

[4] Về án phí: căn cứ điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Buộc chị Trang phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình.

Buộc anh Đặng Trường Sơn nộp 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82 83, 110 và Điều 117 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

**1.**Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Thùy Tr. Cho chị Tr được ly hôn anh Đặng Trường S.

**2.**Về nuôi con chung: giao hai con chung là Đặng Nhựt Tr, sinh ngày 07/12/2012 và Đặng Ngọc Như Ý, sinh ngày 19/4/2019 cho chị Trần Thị Thùy Tr trực tiếp nuôi dưỡng.

**3.**Về cấp dưỡng nuôi con: Buộc anh Đặng Trường S có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hai con chung mỗi cháu mỗi tháng 1.000.000đ ( một triệu đồng) cấp dưỡng cho đến khi cháu Trường và cháu Ý đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng kể từ ngày Bản án có hiệu lực.

Anh Đặng Trường Sơn có quyền, nghĩa vụ thăm và chăm sóc con chung không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Tài sản chung và nợ chung: chị Trần Thị Thùy Tr và anh Đặng Trường S không yêu cầu giải quyết.

**4.**Về án phí: chị Trần Thị Thùy Tr phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ(Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0006241 ngày 12/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long. Chị Trang đã nộp xong án phí.

Buộc anh Đặng Trường S nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí cấp dưỡng nuôi con.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**5.**Quyền kháng cáo: nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- TANDT Vĩnh Long;
- VKSND cùng cấp;
- CC THADS cùng cấp;
- Các đương sự;
- UBND xã Hòa Phú ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đặng Thị Ánh Bình**